Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng
Cơ quan: Tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1304 /QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 05 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 71/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư; Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chủ trương đầu dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư; Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh chủ trương đầu dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 397/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (lần 3) dự án: Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận tỉnh Cao Bằng thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng phê duyệt điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư (lần 2) Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn; thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng Tiểu dự án giải phóng mặt bằng địa phận huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn; thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Căn cứ Văn bản số 2879/CĐBVN-TĐ ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Cục đường bộ Việt Nam về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Xét Công văn số 2219/SXD-KCHTGT ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng về việc kiến đối với việc tiếp thu, giải trình báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP)(giai đoạn 1);

Xét Báo cáo số 1997/BC-HĐTĐCS ngày 30 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng thẩm định cấp cơ sở về báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh tại Tờ trình số 784/TTr-BQLDA ngày 02 tháng 7 năm 2025 phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1) (kèm theo hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh do Công ty cổ phần tư vấn xây dựng A2Z lập).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1) với các nội dung như sau.

1. Điều chỉnh thiết kế cơ sở

1.1. Điều chỉnh tuyến

- Đoạn tuyến Km15+600 - Km17+700: Tuyến điều chỉnh sang bên trái so với tim tuyến thiết kế cơ sở khoảng 25m để tránh cây đa cổ thụ tại Km16+557, hạn chế chia cắt khu vực đông dân cư, ảnh hưởng đến người dân.

- Đoạn tuyến Km30+700 - Km39+000: Tuyến điều chỉnh vòng sang bên trái đi lên dãy núi cao phía thượng lưu đập Thâm Luông, tuyến cắt qua khu vực hồ Thâm Luông, tránh phạm vi ảnh hưởng khu ra đa quân sự (bán kính là 480m), tránh khu di tích lịch sử Bản Cáu, tiếp đó tuyến cắt qua Đường tỉnh 226, rồi vòng sang phải nhập về tim tuyến bước TKCS.

- Đoạn tuyến Km44+400 - Km45+700: Tuyến điều chỉnh sang bên phải so với tim tuyến thiết kế cơ sở khoảng 47m đoạn từ Km44+800-Km45+100 để tránh đắp vào khe tụ thủy.

- Đoạn tuyến Km66+280 - Km68+700: Tuyến điều chỉnh sang bên phải khoảng15 - 20m đoạn từ Km67+600 - Km67+800 để tránh đào sâu tại khu vực núi cao bên trái tuyến Km67+700. Đoạn Km68+100 - Km68+300 điều chỉnh tim sang trái khoảng 10m để tránh vực sâu bên phải tuyến, tránh phát sinh cầu.

- Đoạn tuyến Km66+740 - Km70+900: Điều chỉnh hạ đường đỏ thiết kế, giảm độ dốc dọc tối đa từ 6% xuống 5% để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành, khai thác.

- Đoạn tuyến Km66+800 - Km70+900: Điều chỉnh bề rộng cắt ngang giai đoạn 1 và mở rộng các cầu nằm trong đoạn tuyến này theo quy mô đường (từ 2 làn xe chạy lên 4 làn xe chạy) để đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành, khai thác.

- Đoạn tuyến Km89+500 - Km92+200: Tuyến điều chỉnh sang bên trái tim tuyến bước thiết kế cơ sở để tránh hang Krast tại Km90+450; điều chỉnh sang bên phải tim tuyến thiết kế cơ sở để tránh nghĩa trang tại Km91+200 sau đó điều chỉnh sang bên trái tim tuyến thiết kế cơ sở để tránh khu vực miếu và rừng cấm tại Km92+100.

1.2. Điều chỉnh nút giao

- Điều chỉnh trước và sau nút giao 500m từ quy mô 2 làn xe lên quy mô 4 làn xe đảm bảo vuốt nối êm thuận quá trình nhập tách làn trong phạm vi các nút giao đảm bảo phù hợp theo quy định tại mục 8.8.13 - TCVN 5729:2012 Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế.

- Nút giao IC04A: Thay đổi phương án thiết kế nhánh A từ đi chui phía dưới đường cao tốc bằng hầm chui chuyển thành cầu vượt, vượt trên cao tốc để phù hợp với địa hình, thủy văn khu vực.

- Nút giao IC05: Điều chỉnh vị trí nút giao Km84+650 về Km83+769.77 do vị trí nút giao Km84+650 có yếu tố bất lợi là bình diện nằm trong đường cong bán kính nhỏ R=240m và độ dốc dọc sau nút giao lớn I_{max}=6%. Điều chỉnh bán kính bất lợi R240m lên R450m đảm bảo an toàn xe chạy.

- Nút giao IC06: Điều chỉnh thiết kế nút giao giai đoạn 2 từ dạng Trumpet sang nút giao dạng Diamond để giảm 1 vị trí cầu I33 trong nút, rút ngắn hành trình xe chạy kết nối giữa tuyến cao tốc với QL3 và ngược lại, tối ưu về kinh tế, kỹ thuật. Giai đoạn 1 kết nối trực tiếp giao bằng tuyến chính cao tốc với QL3 để tiết giảm chi phí xây dựng.

1.3. Điều chỉnh phần cầu

- Điều chỉnh chiều dày lớp bê tông nhựa polime từ 7,0cm về 5,0cm.

- Điều chỉnh mặt cắt ngang cầu trên tuyến chính từ 13,5m lên 14,0m để cầu trùng tim đường.

- Điều chỉnh chiều dày bản mặt cầu tối thiểu từ 175mm sang 180mm đối với cầu dầm Super T và từ 175mm sang 200mm với cầu dầm I.

- Bổ sung và điều chỉnh chiều dài cầu để phù hợp với tính toán thủy văn bước thiết kế kỹ thuật.

- Điều chỉnh, bổ sung 54 cầu trên tuyến (gồm: 48 cầu tuyến chính, 03 cầu trong nút giao, 03 cầu vượt qua cao tốc) đảm bảo các yếu tố kỹ thuật và phù hợp thực tế thi công.

1.4. Điều chỉnh phần hầm

Điều chỉnh tối ưu thiết kế, phù hợp với kết quả khảo sát địa hình địa chất, cụ thể như sau:

STT	Tên hầm	Ống hầm	Chiều dài		Nội dung
			Đã duyệt	Điều chỉnh	
1	Hầm số 01	Phải	220m	200m	Thay đổi vị trí cửa hầm để phù hợp với số liệu khảo sát địa hình, địa chất
		Trái	220m	200m	
2	Hầm số 02	Phải	495m	495m	- Bổ sung 01 hầm thông ngang cách cửa hầm phía Tây nhánh Phải 280m và cửa hầm phía Đông nhánh Phải 215m *(Theo TCVN 13878-2023)*
		Trái	462m	458m	

Điều chỉnh giảm đường đỏ tại khu vực hầm với chiều cao giảm trung bình khoảng 10-12m để giảm khối lượng, giảm chiều dài cầu, chiều cao trụ cầu trước và sau cửa hầm, đồng thời mặt bằng phía cửa Tây hầm số 2 đã có thể kết nối 2 nhánh hầm trái và hầm phải, giúp thuận tiện trong quá trình vận hành, khai thác, bảo trì bảo dưỡng, đồng thời có mặt bằng làm quảng trường hầm phía Tây.

1.5. Các hạng mục điều chỉnh khác trên tuyến

- Điều chỉnh giải phân cách giữa từ vạch sơn sang khối bê tông cốt thép đối với đoạn quy mô 2 làn xe đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác.

- Điều chỉnh cấp phối bê tông nhựa C16 thay cho C12.5 (theo TCVN 13567: 2022).

- Bổ sung hầm chui theo thỏa thuận với địa phương nhằm phục vụ việc đi lại thuận tiện, ổn định sản xuất, canh tác của người dân sinh sống dọc hai bên tuyến cao tốc và phù hợp với quy hoạch phát triển của địa phương.

- Gia cố mái ta luy bên trái: Để phù hợp với việc tổ chức thi công ngay giai đoạn 2, trong giai đoạn 1 chỉ tiến hành đào ngả mái với độ dốc phù hợp hệ số kiểm toán ổn định theo trạng thái bão hòa, không bố trí gia cố hoàn thiện như phía taluy bên phải, việc kiên cố mái taluy sẽ thực hiện tại giai đoạn 2.

1.6. Điều chỉnh công trình phục vụ khai thác

Trạm thu phí: Điều chỉnh vị trí Trạm thu phí các nút giao IC05; nút giao IC06 theo thiết kế điều chỉnh của các nút giao tương ứng bước thiết kế kỹ thuật của Dự án.

Trung tâm điều hành giao thông (TMC) và khu vận hành hầm: Điều chỉnh cục bộ quy hoạch khu trung tâm điều hành (TMC); bổ sung khu vận hành hầm để đảm bảo nhu cầu quản lý vận hành hầm, nâng cao an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông trên tuyến.

1.7. Phạm vi, địa điểm thực hiện dự án:

- Điểm đầu dự án: Km0+00 tại nút giao khu vực cửa khẩu Tân Thanh, xã Hoàng Văn Thụ, tỉnh Lạng Sơn.

- Điểm cuối dự án: Km93+350 điểm giao với QL.3 thuộc xã Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng.

- Tổng chiều dài dự án (giai đoạn 1) khoảng 93,35 km đi qua địa bàn các xã Hoàng Văn Thụ, Na Sầm, Văn Lãng, Tràng Định, Thất Khê, tỉnh Lạng Sơn; các xã Đông Khê, Thạch An, Đức Long, Phục Hòa, Hạnh Phúc, Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng.

2. Điều chỉnh diện tích sử dụng đất điều chỉnh (giai đoạn 1 từ Km0+000 đến Km93+350): khoảng 825,91 ha, trong đó:

- Diện tích sử dụng đất địa bàn tỉnh Lạng Sơn khoảng 458,41 ha.

- Diện tích sử dụng đất địa bàn tỉnh Cao Bằng khoảng 367,50 ha.

3. Tổng mức đầu tư điều chỉnh của dự án (giai đoạn 1): 14.331,618 tỷ đồng

(bằng chữ: Mười bốn nghìn, ba trăm ba mươi mốt tỷ, sáu trăm mười tám triệu đồng)

Đơn vị: Tỷ đồng.

STT	Nội dung chi phí	Đã phê duyệt *(tại Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/9/2023)*	Điều chỉnh
1	**GPMB & TĐC (Chưa bao gồm dự phòng)**	**952,441**	**1.876,037**
-	Tỉnh Lạng Sơn	535,165	1.105,954
-	Tỉnh Cao Bằng	417,276	770,083
2	**Chi phí xây dựng**	**9.444,707**	**10.330,735**
3	**Chi phí thiết bị**	**496,058**	**496,058**
4	**Chi phí QLDA, tư vấn ĐTXD, chi phí khác và lãi vay**	**1.354,985**	**1.250,347**
-	Chi phí QLDA + tư vấn ĐTXD + chi phí khác	832,576	867,933
-	Lãi vay trong thời gian thi công	522,409	382,414
5	**Chi phí dự phòng**	**2.083,427**	**378,442**
	Tổng mức đầu tư	**14.331,618**	**14.331,618**

4. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn

- Vốn do nhà đầu tư huy động (vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn huy động khác): 4.531,618 tỷ đồng, chiếm 31,62% tổng mức vốn đầu tư.

- Vốn ngân sách nhà nước tham gia trong dự án là 9.800 tỷ đồng, chiếm 68,38% tổng mức vốn đầu tư. Trong đó:

+ Vốn ngân sách Trung ương là 5.720 tỷ đồng *(gồm 2.500 tỷ đồng theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 2021-2025 và 3.220 tỷ đồng thuộc giai đoạn 2026-2030)*;

+ Vốn ngân sách địa phương là 4.080 tỷ đồng *(Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng)*.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định hiện hành.

- Tiếp tục rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án theo Báo cáo kết quả thẩm định số 1997/BC-HĐTĐCCS ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm định cấp cơ sở; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, tài liệu tại Điều 1.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc xác định các thông số về phương án tài chính trong quá trình thương thảo, ký kết phụ lục hợp đồng.

2. Hội đồng thẩm định cấp cơ sở và cơ quan chuyên môn về xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định dự án điều chỉnh theo quy định của pháp luật, đảm bảo phù hợp và hiệu quả.

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công thương; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Cao Bằng, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước khu vực V tại địa bàn tỉnh Cao Bằng, Lãnh đạo Kho bạc nhà nước khu vực VII tại địa bàn tỉnh Cao Bằng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Sở Tài chính và Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Hội đồng thẩm định cấp cơ sở;
- UBND tỉnh Lạng Sơn;
- Các cơ quan có tên tại Điều 3;
- VP UBND tỉnh: các PCVP, các CV;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, GTH.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Lê Hải Hòa